

Số: /TYC-BVT

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

## YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho danh mục mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

1. Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Văn Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838.

### 3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Văn Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 16h ngày 29 tháng 11 năm 2024 đến trước 16h ngày 11 tháng 12 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 11/12/2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chào giá: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận (phụ lục 01).

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:

- Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 02.

- Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa tại phụ lục 02.1 (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá) (nếu có).

- Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 1 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng Việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>)

hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc [vtyt.bvninhthuan@gmail.com](mailto:vtyt.bvninhthuan@gmail.com) hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

- Đối với danh mục nhóm số 3 và nhóm số 7: đề nghị Công ty khi trúng thầu cho Bệnh viện mượn 01 máy xét nghiệm để sử dụng hết vật tư, hóa chất xét nghiệm đã trúng thầu.

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: [benhvienninhthuan.vn](http://benhvienninhthuan.vn); [muasamcong.mpi.gov.vn](http://muasamcong.mpi.gov.vn); [chaogiattbyt.moh.gov.vn](http://chaogiattbyt.moh.gov.vn).

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCG<sub>8</sub>

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Huy Thạch**

**DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ  
PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH**

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVT ngày / /2024 của Bệnh viện tỉnh)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
<b>I.</b>	<b>Nhóm số 1: Ống thông (catheter) các loại</b>			
1	Catheter tĩnh mạch rốn	Chất liệu: PVC hoặc tương đương Catheter động tĩnh mạch rốn dùng cho trẻ sơ sinh Dài: $\geq 37$ cm; Cỡ 4 - 5Fr; Tốc độ dòng truyền dịch: 16 - 31ml/phút	Cái	400
2	Catheter tĩnh mạch trung tâm	Chất liệu: Polyurethan hoặc tương đương Đường kính: 6F; Chiều dài: $\geq 20$ cm; Loại 1 nòng, kích cỡ nòng 14G Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn	Cái	1.000
3	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Chất liệu: Polyurethane hoặc tương đương Đường kính: 3Fr; Chiều dài: $\geq 10$ cm; Loại 1 nòng, kích cỡ nòng 22G Gồm 1 kim, 1 dây dẫn đầu J 0.035" dài $\geq 60$ cm, 1 cây nong, 1 dao mổ, 1 bơm tiêm	Cái	50
4	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Chất liệu: Polyurethane hoặc tương đương Đường kính: 7Fr; Chiều dài: $\geq 20$ cm; Loại 3 nòng, kích cỡ nòng 16 - 18G Dây kim loại dẫn đường có vạch đánh dấu, một đầu thẳng mềm, đầu còn lại hình chữ J.	Cái	400
5	Catheter đường hầm dùng trong lọc máu	Chất liệu: Carbothane hoặc tương đương, có cản quang Đường kính: 14.5 Fr Chiều dài từ cuff đến tip: 19-23cm Bộ catheter gồm: catheter; cây tạo đường hầm PTFE hoặc tương đương; thông luồn catheter 15Fr có van khoá khí; kim dẫn 18G; lưỡi dao số 11; dây dẫn đầu chữ J được đánh dấu, có chiều dài 70 - 100cm; 02 gạc; 02 nắp đậy; 02 que nong; ống thông ba bóng chống xẹp lòng catheter	Bộ	80
6	Catheter dẫn lưu mật qua da các cỡ	Chất liệu Polyurethane hoặc tương đương Catheter có khoá Kích cỡ: 6-16F Tương thích với dây dẫn 0.038"	Bộ	300
7	Bộ catheter chạy thận nhân tạo	- Chất liệu polyurethane hoặc tương đương. - Kích cỡ 12Fr, dài 15-20cm Bộ catheter gồm: Dây dẫn chữ J, dài 70cm, làm bằng hợp kim Nitinol hoặc tương đương; Kim hình chữ Y 18G; 02 Que nong: 10-12Fr; Bơm tiêm 5cc; Dao mổ số 11; 02 Nắp ống tiêm	Cái	350
<b>II.</b>	<b>Nhóm số 2: Hoá chất dùng cho chương trình ngoại kiểm</b>			

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Hoá chất ngoại kiểm xét nghiệm sinh hoá	Chương trình ngoại kiểm sinh hoá đáp ứng trên 50 thông số hoặc tương đương, bao gồm cae ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine và eGFR (estimated glomerular filtration rate). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/6 x (≥5ml)	Hộp	2
2	Hoá chất ngoại kiểm xét nghiệm khí máu	Chương trình ngoại kiểm khí máu đáp ứng 10 thông số khí máu, Glucose và điện giải hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/6 x (≥1.8ml)	Hộp	2
3	Hoá chất ngoại kiểm xét nghiệm miễn dịch	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số bao gồm cả thuốc trị liệu, hormones và dấu ấn ung thư hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/6 x (≥5ml)	Hộp	2
4	Hoá chất ngoại kiểm xét nghiệm huyết học	Chương trình ngoại kiểm huyết học đáp ứng trên 10 thông số công thức máu hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/3 x (≥2ml)	Hộp	4
5	Hoá chất ngoại kiểm xét nghiệm đông máu	Chương trình ngoại kiểm đông máu đáp ứng 16 thông số bao gồm 5 thông số cơ bản và các yếu tố đông máu II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII và plasminogen. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Hộp/6 x (≥1ml)	Hộp	2
<b>III. Nhóm số 3: Hoá chất dùng cho xét nghiệm sàng lọc sơ sinh</b>				
1	Hóa chất xét nghiệm bệnh thiếu năng giáp trạng bẩm sinh	- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu hTSH dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử dụng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthan; - Độ nhạy ≤ 2 μU/ml máu; - Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hormone hLH bổ sung ≤250 U/L không gây nhiễu tới phép đo hTSH.	Test	12.600
2	Hóa chất xét nghiệm bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh	- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu 17α-OHP dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Độ nhạy: Giới hạn mẫu trắng (LoB) ≤ 0.46 ng/ml huyết thanh; - Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử dụng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthan	Test	12.600

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
3	Hóa chất xét nghiệm bệnh thiếu men G6PD	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu G6PD dùng cho sàng lọc sơ sinh;</li> <li>- Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng;</li> <li>- Giới hạn phát hiện (LoD) <math>\leq 0.4</math> U/g Hb;</li> <li>- Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin thử nghiệm <math>\leq 250</math> g/L không gây nhiễu đến xét nghiệm G6PD;</li> <li>- Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng <math>\leq 7.8</math> U/g Hb;</li> <li>- Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang</li> </ul>	Test	12.600
4	Hóa chất xét nghiệm bệnh PKU (Phenylketon niệu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu phenylalanine dùng cho sàng lọc sơ sinh.</li> <li>- Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng.</li> <li>- Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang.</li> <li>- Độ nhạy phân tích: tương ứng mẫu hiệu chuẩn thấp nhất</li> <li>- Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin <math>\geq 150</math> g/L tới <math>\leq 200</math> g/L không gây nhiễu tới xét nghiệm Neonatal Phenylalanine.</li> </ul>	Test	12.600
5	Hóa chất xét nghiệm bệnh Galactosemia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu total galactose dùng cho sàng lọc sơ sinh;</li> <li>- Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng.</li> <li>- Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang;</li> <li>- Giới hạn mẫu trắng (LoB) = <math>39 \mu\text{mol/L}</math> (<math>0.7</math> mg/dL); Giới hạn phát hiện (LoD) = <math>72 \mu\text{mol/L}</math> (<math>1.3</math> mg/dL);</li> <li>- Nồng độ hemoglobin <math>\leq 250</math> g/L không gây nhiễu tới xét nghiệm;</li> </ul>	Test	12.600
6	Hóa chất xét nghiệm bệnh thiếu men Biotinidase	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu Biotinidase dùng cho sàng lọc sơ sinh</li> <li>- Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng;</li> <li>- Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động;</li> <li>- Giới hạn mẫu trắng (LoB): 12 U; Giới hạn phát hiện (LoD) = 16 U</li> <li>- Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin 200 mg/dL không gây nhiễu tới xét nghiệm;</li> <li>- Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị từ 16 U tới 390 U</li> <li>- Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang;</li> </ul>	Test	12.600
7	Hóa chất xét nghiệm bệnh xơ nang	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu IRT dùng cho sàng lọc sơ sinh.</li> <li>- Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng.</li> <li>• Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang sử dụng các nguyên tố đất hiếm nhóm Lanthan</li> <li>• Giới hạn mẫu trắng (LoB) = <math>0,43</math> ng/mL máu;</li> <li>• Khoảng tuyến tính có giá trị từ <math>15</math> ng/mL tới <math>620</math> ng/mL máu</li> </ul>	Test	12.600
8	Giấy thấm mẫu máu khô chuyên dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng thấm mẫu máu khô tiêu chuẩn dùng cho sàng lọc sơ sinh;</li> <li>- Chất liệu: Cotton hoặc tương đương</li> <li>- Sử dụng thanh mã vạch</li> </ul>	Cái	11.000
9	Kim chích máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng một lần để lấy máu</li> <li>- Kích thước: 17G x 2mm</li> <li>- Tiệt trùng</li> <li>- Có nắp bảo vệ đầu kim</li> </ul>	Cái	11.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
<b>IV. Nhóm số 4: Túi đựng dụng cụ tiệt trùng</b>				
1	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 75mm x ( $\geq 200$ m), nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương	Cuộn	30
2	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 100mm x ( $\geq 200$ m), nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương.	Cuộn	30
3	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 150mm x ( $\geq 200$ m), nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương.	Cuộn	100
4	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 200mm x ( $\geq 200$ m), nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương.	Cuộn	150
5	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 250mm x ( $\geq 100$ m), nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương	Cuộn	100
6	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 350mm x 55mm x ( $\geq 100$ m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương	Cuộn	10
7	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 100mm x ( $\geq 70$ m), nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương. Dùng cho lò hấp Plasma	Cuộn	5
8	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 150mm x ( $\geq 70$ m), nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương. Dùng cho lò hấp Plasma	Cuộn	10
9	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 350mm x ( $\geq 70$ m), nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương. Dùng cho lò hấp Plasma	Cuộn	5
10	Giấy chỉ thị nhiệt	- Dạng gói gồm một tờ chỉ thị hoá học nhạy cảm với hơi nước bên trong, không chứa chỉ. - Giúp xác định chất lượng lò hấp có đạt hay không - Dùng cho lò hấp tiệt trùng bằng hơi nước	Gói	800
11	Chỉ thị sinh học	Dùng kiểm tra chất lượng và kiểm soát quá trình tiệt khuẩn hơi nước Cấu tạo: Một dải bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i> Ống thủy tinh kín với môi trường sinh trưởng Vạch chỉ thị tiếp xúc sẽ đổi màu sau tiệt khuẩn	Ống	800
12	Chỉ thị hoá học đa thông số	Chỉ thị hoá học sử dụng để giám sát quá trình tiệt khuẩn: thời gian, nhiệt độ và áp suất. Kích thước $\geq 5,1$ cm x 1,9cm	Hộp	20
13	Chỉ thị hoá học	Chỉ thị hoá học dùng cho máy STERRAD 100S Cassette Kích thước: 1,9cm x 5,1cm Hộp $\geq 250$ miếng	Hộp	5
14	Chỉ thị hoá học	Chỉ thị sinh học dùng cho máy STERRAD 100S Cassette Kích thước: 2cm x 10cm Hộp $\geq 30$ lọ	Hộp	3
15	Băng keo chỉ thị nhiệt	Dùng cho máy STERRAD 100S Cassette Kích thước $\geq 25$ mm	Cuộn	10
<b>V. Nhóm số 5: Dung dịch rửa vết thương</b>				

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Dung dịch rửa vết thương	Thành phần polyhexanide 0.1% và betain 0.1% hoặc tương đương Làm sạch vết thương, loại bỏ và ngăn ngừa hình thành màng biofilm Chai/≥350ml	Chai	2.105
2	Gel sát khuẩn	Thành phần: polyhexanide 0.1% betain hàm lượng 0.1%, glycerol và hydroxyethylcellulose, nước tinh khiết hoặc tương đương. Làm sạch vết thương, loại bỏ và ngăn ngừa hình thành màng biofilm. Chai/≥30ml	Chai	1.075
<b>VI. Nhóm số 6: Thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh</b>				
1	Xe đẩy bệnh nhân nằm	Kích thước (Dài x rộng x cao): ≥2100x620x600-850mm, chiều cao thay đổi từ 600mm đến 850mm, kích thước mặt cánh (Dài x rộng): 1860x590mm, góc nâng đầu điều chỉnh từ 0 đến 45 độ. Bánh xe có khoá cố trục, đường kính 150mm, di chuyển nhẹ nhàng và không gây tiếng ồn. Phụ kiện kèm theo: - Cọc truyền tăng chính - Giá đỡ bình oxy - Đệm bông ép bọc giá da dày 50mm Tải trọng: ≥250kg	Cái	20
2	Giường y tế	Kích thước: ≥1980x960x530mm Vật liệu: inox 304 hoặc tương đương Khung giường inox hộp ≥30x60cm, dày 1mm Thanh vạt giường inox hộp 25x25cm, dày 1,25mm Vạt giường inox hộp 10x40cm, dày 1mm Lan can đường kính phi 22mm và phi 16mm, dày 1mm. Chân đầu giường inox ống với đường kính phi 32mm, dày 1,25mm Inox ống thanh đầu và chân giường đường kính 12mm, dày 1mm Khung căng mùng đường kính phi 16mm, dày 1mm Trọng lượng ≤ 45kg	Cái	50
3	Xe tiêm	Xe tiêm có kết cấu 3 tầng Kết cấu chủ yếu làm bằng nhựa, nhôm và thép hoặc tương đương Tấm ABS ở trên, dễ dàng vệ sinh Khung xe thiết kế trên 4 trụ, ngoài bọc nhựa bên trong kim loại Mặt bàn làm bằng chất liệu ABS hoặc tương đương Thanh lan can bằng inox 304 hoặc tương đương 01 ngăn kéo loại trung 01 ngăn kệ đặt chính giữa 4 bánh xe loại dùng trong y tế (hai bánh có khoá), không gây ồn trong quá trình vận chuyển 02 thùng nhựa đựng chất thải có nắp đậy ≥(140x140x215mm) Kích thước xe (Rộng x sâu x cao): ≥850 x 520 x 950mm Trọng lượng: 36kg	Cái	17

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
4	Xe tiêm	<p>Xe tiêm dùng trong cấp cứu và cấp phát thuốc</p> <p>Kích thước (Rộng x sâu x cao): <math>\geq 750 \times 475 \times 920\text{mm}</math></p> <p>Bánh xe: đường kính 125mm</p> <p>Ngăn kéo 05 ngăn: 02 ngăn kéo nhỏ, 02 ngăn kéo trung và 01 ngăn kéo lớn</p> <p>Có khoá trung tâm cho các ngăn kéo</p> <p>04 bánh xe (02 bánh có khoá, 01 bánh tự do và 01 bánh điều hướng), không gây ồn trong quá trình vận chuyển</p> <p>01 hộp đựng tài liệu</p> <p>Nguồn cấp: ổ cắm điện có thể di chuyển và tháo rời.</p> <p>Thùng rác và bình huỷ kim: có 02 thùng rác được phân loại màu xanh và vàng. Có 01 bình huỷ kim 0,5 lít</p> <p>Cây truyền dịch: 01 cây lắp vào cột thân chính</p> <p>Giá đỡ bình oxy: có thể thu vào, dây đai cố định trên thân chính của xe đẩy.</p> <p>Có vị trí đặt máy khử rung tim</p> <p>Lan can làm bằng vật liệu sắt sơn tĩnh điện hoặc tương đương.</p>	Cái	3
5	Máy hút dịch di động	<p>Motor: bơm pittong không dầu, không cần bảo dưỡng;</p> <p>Cấp nguồn: 2230-230V/50-60Hz.</p> <p>Chân không tối đa (có thể điều chỉnh): 0.90 Bar - 90kPa - 675mmHg</p> <p>Mức nhiễu ồn: <math>\leq 51,7</math> dBA</p> <p>Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa <math>\geq 60</math> lít/phút</p> <p>Cấu hình: 2 bình chứa dịch, mỗi bình thể tích <math>\geq 2</math> lít</p> <p>Thiết bị được trang bị 4 bánh xe chống tĩnh điện (2 bánh có khoá)</p>	Cái	2
6	Máy Doppler tim thai cầm tay	<p>Máy nghe tim thai/doppler mạch máu cầm tay 2 chiều, có màn hình LCD.</p> <p>Nguồn điện: sử dụng pin, tự động tắt nguồn từ 2 đến 5 phút.</p> <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>Đầu ra loa: <math>\geq 300\text{mW}</math></p> <p>Tần số đầu dò: 2MHZ</p> <p>Màn hình LCD: <math>\geq 128 \times 64</math> điểm ảnh.</p>	Cái	5
7	Máy xét nghiệm nước tiểu	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất năm 2023 trở về sau</li> <li>- Chất lượng máy mới 100%</li> <li>- Thời gian bảo hành <math>\geq 12</math> tháng</li> <li>- Nguồn điện sử dụng: 100-240V; 50/60Hz</li> <li>- Các thông số đọc gồm: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Acid Ascorbic.</li> <li>- Tốc độ tối đa <math>\geq 500</math> mẫu/giờ</li> <li>- Màn hình cảm ứng LCD hiển thị các thông số và kết quả</li> </ul> <p>Cấu hình thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 máy xét nghiệm nước tiểu</li> <li>- 01 cuộn giấy in nhiệt</li> <li>- 01 hộp gồm 100 que</li> <li>- 01 dây nguồn</li> <li>- 01 bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng</li> </ul>	Cái	2



Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
8	Máy châm cứu	<p>I. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sản xuất: Năm 2023 trở về sau</li> <li>- Chất lượng máy: Mới 100%</li> <li>- Thời gian bảo hành <math>\geq 12</math> tháng</li> <li>- Công suất tiêu hao tối đa: <math>\leq 5</math> kW</li> <li>- Điện năng cung cấp cho Adapter: Đầu vào 220V/50Hz</li> <li>- Đầu ra: DC9V/150mA</li> </ul> <p>II. Cấu hình thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 máy chính</li> <li>- 01 Adapter chuyển đổi nguồn điện</li> <li>- 01 Bút dò huyết đạo</li> <li>- 05 Dây châm cứu 2 đầu</li> <li>- 01 Dây massage xung điện 2 đầu</li> <li>- 06 Miếng điện cực cao su</li> <li>- 02 Miếng điện cực dán Massage xung điện</li> <li>- 01 Cuộn băng dính điện cực</li> <li>- 01 tài liệu hướng dẫn sử dụng.</li> </ul>	Cái	30
9	Máy khoan xương	<p>I. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sản xuất: Năm 2023 trở về sau</li> <li>- Chất lượng máy: Mới 100%</li> <li>- Thời gian bảo hành: <math>\geq 12</math> tháng</li> <li>- Công suất đầu ra: 90W</li> <li>- Tốc độ (rpm): 0-1000</li> <li>- Momen xoắn (Nm): 4Nm</li> <li>- Điện áp hoạt động (V): 14.4</li> <li>- Hấp ẩm: 135</li> </ul> <p>II. Cấu hình thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-01 máy chính</li> <li>-02 Pin</li> <li>-01 Bộ sạc</li> <li>-01 Bộ chuyển</li> <li>-01 tài liệu hướng dẫn sử dụng.</li> </ul>	Cái	3
<b>VII. Nhóm số 7: Hoá chất dùng trong định danh và kháng sinh đồ tự động</b>				
1	Thạch Chromagar	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm.</li> <li>- Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.</li> <li>- Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: <math>6.8 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math>.</li> <li>- Hộp/ (<math>\geq 10</math> đĩa)</li> </ul>	Đĩa	500
2	Môi trường vận chuyển Stuart	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống nhựa chứa 5ml môi trường để vận chuyển Neisseria và các loài vi khuẩn khó tính khác</li> <li>- Thành phần: Sodium glycerophosphate, Sodium thioglycollate, Cysteine hydrochloride, Calcium chloride, Methylene blue, Agar, pH <math>7.4 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>Hộp/ <math>\geq 10</math> ống</li> </ul>	Ống	200

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
3	Ống Thioglycollate	- Ống nhựa chứa 5ml môi trường lỏng dùng để nuôi cấy tất cả vi khuẩn hiếu khí, kỵ khí và vi hiếu khí. - Thành phần: Lab-Lemco powder, Yeast extract, Peptone, Glucose, Sodium chloride, Sodium thioglycollate, Methylene blue, Agar, pH $7.2 \pm 0.2$ ở $25^{\circ}\text{C}$ Hộp $\geq 10$ ống	Ống	150
4	Lọ nhựa đựng mẫu nước tiểu	- Ống nhựa chứa 5ml môi trường lỏng dinh dưỡng cao dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó tính. - Thành phần: Brain infusion solids, Beef heart infusion solids, Proteose peptone, Sodium chloride, Glucose, Disodium phosphate, pH $7.4 \pm 0.2$ ở $25^{\circ}$ Hộp $\geq 10$ ống	Lọ	600
5	Lọ đựng mẫu phân	- Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Decolor (alcohol-acetone) và Safranine. - Bộ/ 4 chai x ( $\geq 100\text{ml}$ )	Lọ	300
6	Canh thang BHI	- Ống nhựa chứa 5ml môi trường lỏng dinh dưỡng cao dùng để nuôi cấy các loại vi sinh vật kể cả vi sinh vật khó tính. - Thành phần: Brain infusion solids, Beef heart infusion solids, Proteose peptone, Sodium chloride, Glucose, Disodium phosphate, pH $7.4 \pm 0.2$ ở $25^{\circ}$ - Hộp $\geq 10$ ống	Ống	1.000
7	Bộ thuốc nhuộm Gram	- Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Decolor (alcohol-acetone) và Safranine. - Bộ/ 4 chai x ( $\geq 100\text{ml}$ )	Bộ	20
8	Bộ thuốc nhuộm Ziehl-Neelsen	- Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbol Fuchsin, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) và Methylene Blue. - Bộ/ 3 chai x ( $\geq 100\text{ml}$ )	Bộ	20
9	Que cấy vi sinh	Kích cỡ 10ul dùng để lấy mẫu bệnh phẩm	Cái	1.000
10	Thạch máu (BA)	- Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đĩa 90mm. - Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. - Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: $7.3 \pm 0.2$ ở $25^{\circ}\text{C}$ - Hộp $\geq 10$ đĩa	Đĩa	3.000
11	Thạch Socola (CA)	- Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc. Đĩa 90mm. - Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. - Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, defibrinated horse blood, Agar, pH: $7.3 \pm 0.2$ ở $25^{\circ}\text{C}$ - Hộp $\geq 10$ đĩa	Đĩa	2.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
12	Thạch Sabouraud (SAB)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. Đĩa 90mm.</li> <li>- Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.</li> <li>- Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Agar, pH: <math>5.6 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Hộp/≥10 đĩa</li> </ul>	Đĩa	200
13	Thạch SS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để phân lập một số Shigella và Salmonella từ các mẫu bệnh phẩm. Đĩa 90mm.</li> <li>- Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.</li> <li>- Thành phần: Beef extract, Peptone, Lactose, Sodium thiosulphate, Amonium ferric citrate, Bile salts, Trisodium citrate, Neutral red, Agar, pH: <math>7.4 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Hộp/≥10 đĩa</li> </ul>	Đĩa	1.000
14	Thạch Mac Conkey	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Đĩa 90mm.</li> <li>- Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.</li> <li>- Thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: <math>7.1 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Hộp/≥10 đĩa</li> </ul>	Đĩa	1.000
15	Que tăm bông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng EO, kích thước 12x175mm</li> <li>- Túi/ &gt;100 que</li> </ul>	Que	5.000
16	Bộ xét nghiệm định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn không lên men	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm bao gồm thẻ xét nghiệm và các hoá chất để định danh và làm kháng sinh đồ.</li> <li>- Loại thẻ: tích hợp định danh (24 giếng) và kháng sinh đồ (72 giếng).</li> <li>- Mẫu: Khuẩn lạc vi khuẩn</li> <li>- Xét nghiệm độ nhạy cảm sử dụng Phương pháp pha loãng vi lượng thể lỏng để kiểm tra độ nhạy của vi khuẩn không lên men với các loại hoá chất xét nghiệm theo các tài liệu CLSI.</li> <li>- Danh sách kháng sinh bao gồm: Piperacillin, Cefotaxime, Cefepime, Ticarcillinclavulanate, Piperacillin/tazobactam, Cefoperazone/Sulbactam, Ampicillin/sulbactam, Ceftriaxone, Meropenem, Aztreonam, Gentamicin, Amikacin, Trimethoprim/Sulfamethoxazole, Tigecycline, Chloramphenicol, Tobramycin, Ciprofloxacin, Levofloxacin, Minocycline, Colistin, Tetracycline</li> </ul>	Test	500

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
17	Bộ xét nghiệm định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn Neisseria, Haemophilus và các vi khuẩn khó nuôi cấy khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm bao gồm thẻ xét nghiệm và các hoá chất để định danh, làm kháng sinh đồ.</li> <li>- Loại thẻ: tích hợp định danh (24 giếng) và kháng sinh đồ (72 giếng).</li> <li>- Mẫu: Khuẩn lạc vi khuẩn</li> <li>- Xét nghiệm độ nhạy cảm sử dụng Phương pháp pha loãng vi lượng thể lỏng để kiểm tra độ nhạy của Neisseria, Haemophilus và các vi khuẩn khó nuôi cấy khác với các loại hoá chất xét nghiệm theo các tài liệu CLSI.</li> <li>- Danh sách kháng sinh bao gồm: Ampicillin, Chloramphenicol, Ampicillin sulbactam, Cefuroxime, Cefixime, Amoxicillinclavulanic acid, Meropenem, Ceftriaxone, Cefepime, Aztreonam, Lomefloxacin, Azithromycin, Erythromycin, Clindamycin, Tetracycline, Levofloxacin, Rifampin, Trimethoprim sulfamethoxazole, X determiner relying test, V determiner relying test.</li> </ul>	Test	500
18	Bộ xét nghiệm định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ cho họ vi khuẩn đường ruột	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm bao gồm thẻ xét nghiệm và các hoá chất để định danh và làm kháng sinh đồ.</li> <li>- Loại thẻ: tích hợp định danh (32 giếng) và kháng sinh đồ (64 giếng)</li> <li>- Mẫu: Khuẩn lạc vi khuẩn</li> <li>- Nguyên lý xét nghiệm: Xét nghiệm độ nhạy cảm sử dụng Phương pháp pha loãng vi lượng thể lỏng để kiểm tra độ nhạy của Enterobacteriaceae với các loại hoá chất xét nghiệm theo các tài liệu CLSI.</li> <li>- Danh sách kháng sinh bao gồm: Ampicillin, Cefuroxime, Cefoxitin, Cefperazone Sulbactam, Piperacillin tazobactam, Cefepime, Cefazolin, Ceftazidime, Aztreonam, Meropenem, Ceftriaxone, Tigecycline, Colistin, Minocycline, Trimethoprim sulfamethoxazole, Gentamicin, Amikacin, Nitrofurantoin, Levofloxacin, Ampicillin sulbactam</li> </ul>	Test	500
19	Bộ xét nghiệm định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ cho họ vi khuẩn Micrococcaceae	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm bao gồm thẻ xét nghiệm và các hoá chất để định danh và làm kháng sinh đồ.</li> <li>- Loại thẻ: tích hợp định danh (32 giếng) và kháng sinh đồ (64 giếng).</li> <li>- Mẫu: Khuẩn lạc vi khuẩn</li> <li>- Xét nghiệm độ nhạy cảm sử dụng Phương pháp pha loãng vi lượng thể lỏng để kiểm tra độ nhạy của Micrococcaceae với các loại hoá chất xét nghiệm theo các tài liệu CLSI.</li> <li>- Danh sách kháng sinh bao gồm: Oxacillin, Cefoxitin, Penicillin, Levofloxacin, Trimethoprim sulfamethoxazole, Vancomycin, Linezolid, Moxifloxacin, Gatifloxacin, Deoxytetracycline, Rifampin, Azithromycin, Nitrofurantoin, Nitrofurantoin, Gentamicin, Erythromycin, Clindamycin, Teicoplanin, Daptomycin, Inducible Clindamycin Resistance</li> </ul>	Test	500

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
20	Bộ xét nghiệm định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ cho Streptococcus	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm bao gồm thẻ xét nghiệm và các hoá chất để định danh và làm kháng sinh đồ.</li> <li>- Loại thẻ: tích hợp định danh (32 giếng) và kháng sinh đồ (64 giếng)</li> <li>- Mẫu: Khuẩn lạc vi khuẩn</li> <li>- Nguyên lí xét nghiệm: Xét nghiệm độ nhạy cảm sử dụng Phương pháp pha loãng vi lượng thẻ lỏng để kiểm tra độ nhạy của Streptococcus với các loại hoá chất xét nghiệm theo các tài liệu CLSI.</li> <li>- Các kháng sinh bao gồm: Penicillin, Ampicillin, Meropenem, Ceftriaxone, Moxifloxacin, Levofloxacin, Erythromycin, Clindamycin, Daptomycin, Linezolid, Nitrofurantoin, Teicoplanin, Tetracycline, Vancomycin, Trimethoprim sulfamethoxazole, Rifampin, Erythromycin/Clindamycin, Gentamicin, Nitrocefín.</li> </ul>	Test	500
21	Bộ xét nghiệm định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ cho nấm men	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xét nghiệm bao gồm thẻ xét nghiệm và các hoá chất để định danh và làm kháng sinh đồ.</li> <li>- Loại thẻ: tích hợp định danh (32 giếng) và kháng sinh đồ (64 giếng)</li> <li>- Mẫu: Khuẩn lạc vi khuẩn</li> <li>- Nguyên lí xét nghiệm: Xét nghiệm độ nhạy cảm sử dụng Phương pháp pha loãng vi lượng thẻ lỏng để kiểm tra độ nhạy của nấm men (yeast-like fungi) với các loại hoá chất xét nghiệm theo các tài liệu CLSI.</li> <li>- Danh sách kháng sinh bao gồm: Flucytosine, Amphotericin B, Ketoconazole, Itraconazole, Fluconazole, Caspofungin, Micafungin, Voriconazole</li> </ul>	Test	250
22	Đĩa giấy Optochin	<p>Khoanh giấy Optochin được sử dụng để phân biệt Streptococcus pneumoniae và Viridans Streptococci.</p> <p>Nồng độ Optochin 5mcg</p> <p>Đường kính 6mm đặt trong vial, mỗi vial gồm 50 khoanh.</p> <p>Bảo quản ở 2 - 8°C</p>	Khoanh	1.000
23	Đĩa giấy Oxidase	<p>Khoanh giấy Oxidase được sử dụng để phát hiện sản xuất oxidase với các vi sinh vật như Neisseria, Campylobacter, Pseudomonas.</p> <p>Đường kính 10mm đặt trong vial, mỗi vial gồm 50 khoanh.</p> <p>Bảo quản ở 2 - 8°</p>	Khoanh	500
24	Đầu tip	Đầu tip được đóng gói riêng từng cái.	Gói	10

**PHỤ LỤC 02**  
**MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN**

***Kính gửi: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận***

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hạn dùng ( $\geq$ tháng)	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)*(10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	<b>Tổng cộng</b>									

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)*

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm. ..*[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm 2024

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

## PHỤ LỤC 02.1

## MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN

***Kính gửi: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận***

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm báo giá của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] cung cấp như sau:

Stt	Stt theo thư yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại BHYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Ghi chú
1								
2								
...								

...., ngày.... tháng....năm 2024

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))